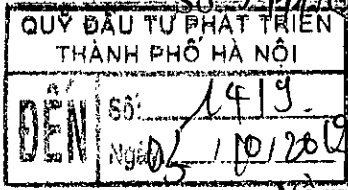


**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5441/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2019



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội
quản lý nguồn vốn và hoạt động của quỹ bảo vệ môi trường**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/02/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của quỹ đầu tư phát triển địa phương;

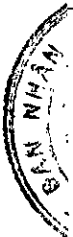
Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BTC ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại Quỹ Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 21/02/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 21/01/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc tổ chức lại Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội, trên cơ sở hợp nhất Quỹ Đầu tư, Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội, Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 8422/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội;



AL

Xét đề nghị của liên ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính - Sở Tài nguyên và Môi trường - Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố tại Tờ trình số 04/TTrLN ngày 22/01/2019 và Công văn số 3472/CvLN:KH-TC-TNMT-QĐT ngày 27/6/2019; báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4689/KHĐT-THQH ngày 28/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quỹ Đầu tư) quản lý nguồn vốn và hoạt động của quỹ bảo vệ môi trường. Nguồn vốn quỹ bảo vệ môi trường bao gồm:

1. Nguồn vốn đã giao Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội (trước hợp nhất) đến thời điểm hợp nhất theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 21/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Bổ sung từ ngân sách Thành phố được phân bổ, bố trí vào dự toán ngân sách địa phương hàng năm.

3. Các nguồn vốn khác do Ủy ban nhân dân Thành phố ủy thác cho Quỹ Đầu tư để thực hiện ứng vốn cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Điều 2. Việc quản lý nguồn vốn và hoạt động của quỹ bảo vệ môi trường theo nguyên tắc và nội dung cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc quản lý và sử dụng:

- Sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, hiệu quả về kinh tế, bảo vệ môi trường và theo quy định ủy thác.

- Đối với nguồn vốn cho vay: Thu hồi kịp thời vốn gốc và lãi để đảm bảo hoàn vốn.

- Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố có trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo toàn nguồn vốn ủy thác theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Quỹ được mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc nhà nước và các tổ chức tín dụng trong nước để tiếp nhận nguồn vốn ủy thác, các nguồn vốn khác thực hiện nhiệm vụ được giao. Khoản lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn nhận ủy thác được bổ sung vào nguồn vốn quỹ bảo vệ môi trường.

- Đồng tiền cho vay, thu nợ, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, tài trợ, nhận ký quỹ là đồng Việt Nam.

2. Hoạt động của quỹ bảo vệ môi trường:

- Cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các dự án bảo vệ môi trường vay vốn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng khác trên địa bàn thành phố Hà Nội quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tài trợ, đồng tài trợ kinh phí cho các chương trình, phương án, dự án hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Quản lý và theo dõi việc thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 3. Phí nhận ủy thác:

- Là phần lãi vay và lãi phạt chậm trả từ các chủ đầu tư được vay với lãi suất ưu đãi đầu tư dự án bảo vệ môi trường theo quy định của UBND Thành phố.

- Là phần chênh lệch lãi phải trả cho chủ đầu tư theo quy định trong hoạt động ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có).

- Các phí ủy thác khác trong quản lý nguồn vốn và hoạt động của quỹ bảo vệ môi trường theo quy định của UBND Thành phố (nếu có).

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

1. Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố:

- Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao về cho vay các dự án bảo vệ môi trường; căn cứ Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố đối với các trường hợp được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; Tài trợ và đồng tài trợ, Quỹ Đầu tư lập kế hoạch sử dụng vốn ủy thác trình UBND Thành phố phê duyệt trong kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính.

- Rà soát, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định xóa nợ lãi, miễn, giảm lãi tiền vay; khoan nợ, xóa nợ gốc và nguồn xử lý.

- Thực hiện chế độ tài chính, báo cáo và phối hợp các cơ quan liên quan theo quy định hiện hành. Báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của UBND Thành phố.

- Quỹ Đầu tư ban hành quy trình nghiệp vụ thực hiện Quyết định này.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác được UBND Thành phố giao.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ động cung cấp hoặc sao gửi các Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, Quyết định cấp phép, gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản của đơn vị khai thác khoáng sản cho Quỹ Đầu tư.

- Khi gửi báo cáo các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố và dự án ký quỹ, đồng gửi Quỹ Đầu tư để phối hợp quản lý.

- Phối hợp với Quỹ Đầu tư theo dõi, quản lý các tổ chức, cá nhân thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Cung cấp cho Quỹ Đầu tư danh sách chủ đầu tư dự án hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội có nhu cầu vay vốn, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và tài trợ, đồng tài trợ theo quy định.

3. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Quỹ Đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố bổ sung nguồn vốn ủy thác cho Quỹ Đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp:

1. Đối với các khoản cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đã được ký Hợp đồng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì hành được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký cho đến khi hết hiệu lực và thanh lý Hợp đồng. Việc sửa đổi các nội dung của các Hợp đồng sau ngày Quyết định được ban hành phải thực hiện phù hợp với quyết định này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì được áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

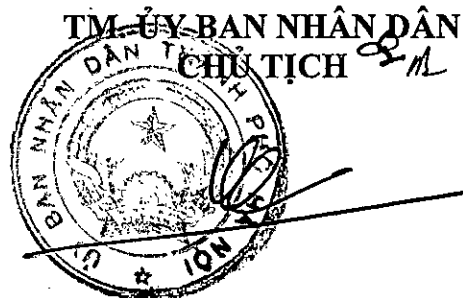
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Quỹ Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp, thống nhất ý kiến với các sở, ngành có liên quan báo cáo UBND Thành phố giải quyết theo quy định.

Điều 6. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
 - Chủ tịch UBND Thành phố;
 - Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
 - VPUB: CVP, các PCVP, các phòng ĐT, TH, KT.
 - Lưu: VT, KT. *At*
- 34231 - 20



Nguyễn Đức Chung

PHỤ LỤC

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ỦY THÁC QUA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số: 5441/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội)

I. Cho vay:

1. Mục đích sử dụng vốn:

Vốn vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục, công việc của dự án vay vốn, trong đó ưu tiên sử dụng vốn vay đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị, công nghệ.

2. Đối tượng vay vốn:

Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Điều kiện cho vay:

Quỹ Đầu tư chỉ cho vay khi chủ đầu tư có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích được quy định tại khoản 1, mục I Phụ lục này.
- b) Thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, mục I Phụ lục này.
- c) Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.
- d) Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.
- đ) Có đủ vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu vào dự án theo quy định của pháp luật;
- e) Về tình hình tài chính của chủ đầu tư:
 - Có phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả và phương án bảo đảm trả được nợ.
 - Trường hợp chủ đầu tư là doanh nghiệp đã hoạt động sản xuất, kinh doanh từ 02 năm trở lên có báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chủ đầu tư bị lỗ lũy kế phải có phương án khả thi để khắc phục lỗ để đảm bảo khả năng trả nợ gốc và lãi vay cho Quỹ Đầu tư.
- g) Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam;
- h) Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật hiện hành;

4. Mức vốn cho vay:

Chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư bảo vệ môi trường được vay vốn với lãi suất ưu đãi tối đa theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Thẩm quyền quyết định mức cho vay:

a) Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 100 tỷ đồng do Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư quyết định.

b) Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 100 tỷ đến 300 tỷ đồng do Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư quyết định.

c) Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 300 tỷ đồng do UBND Thành phố quyết định.

d) Thẩm quyền quyết định mức vốn cho vay được UBND Thành phố xem xét, điều chỉnh trên cơ sở nguồn vốn cho vay UBND Thành phố ủy thác cho Quỹ Đầu tư tại từng thời điểm.

6. Mức tiền cho vay trên giá trị tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh:

a) Trường hợp đảm bảo tiền vay theo hình thức thế chấp, cầm cố: mức cho vay tối đa bằng 70% giá trị tài sản thế chấp, cầm cố ghi trong Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Hợp đồng tín dụng).

b) Trường hợp đảm bảo tiền vay bằng bảo lãnh ngân hàng, mức cho vay tối đa bằng 100% giá trị bảo lãnh.

c) Trường hợp đặc biệt dự án mang tính cấp thiết, ưu tiên của UBND Thành phố, việc cho vay không có hoặc không đủ tài sản bảo đảm Quỹ Đầu tư báo cáo UBND Thành phố xem xét quyết định.

d) Giao Quỹ Đầu tư xây dựng quy định hướng dẫn chi tiết về mức cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo theo đúng quy định.

7. Thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 10 năm và không vượt quá thời gian hoạt động còn lại của doanh nghiệp.

8. Lãi suất cho vay:

a) Lãi suất ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay.

b) Tổng Giám đốc Quỹ căn cứ tình hình cho vay tại Quỹ Đầu tư, tham khảo lãi suất cho vay của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam ở từng thời điểm cụ thể và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

c) Lãi suất cho vay từng dự án được xác định tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng và cố định trong suốt thời gian vay.

d) Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm chậm trả, được tính trên số nợ (gốc và lãi) chậm trả.

9. Bảo đảm tiền vay:

a) Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ Đầu tư được sử dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật. Trình tự và thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay và quy chế đảm bảo tiền vay do Quỹ Đầu tư ban hành.

b) Một khoản vay có thể được bảo đảm bằng nhiều tài sản khác nhau.

10. Thu nợ:

a) Chủ đầu tư vay vốn được trả nợ trước hạn.

b) Quỹ Đầu tư chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà chủ đầu tư không trả đúng hạn theo thỏa thuận nếu không được cấp có thẩm quyền chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, đồng thời thông báo cho chủ đầu tư. Nội dung thông báo bao gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với khoản nợ quá hạn.

c) Quỹ Đầu tư và chủ đầu tư thỏa thuận thứ tự thu hồi gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản vay bị quá hạn, Quỹ Đầu tư thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.

d) Quỹ Đầu tư được quyền xử lý tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

11. Phân loại nợ:

Hàng quý, Quỹ Đầu tư tiến hành thực hiện phân loại nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

12. Xử lý rủi ro và biện pháp xử lý rủi ro:

a) Điều kiện xử lý rủi ro:

Trường hợp chủ đầu tư không thể trả được nợ gốc và lãi vay theo thời hạn quy định trong Hợp đồng tín dụng, do các nguyên nhân bất khả kháng như: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh... xảy ra làm thiệt hại trực tiếp đến vốn, tài sản của dự án; Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của chủ đầu tư (không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm...), Quỹ Đầu tư áp dụng các biện pháp xử lý gồm: điều chỉnh kỳ hạn, gia hạn nợ vay, khoan nợ và xóa nợ.

b) Điều chỉnh kỳ hạn, gia hạn nợ vay:

- Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ: Chủ đầu tư không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay trong phạm vi thời hạn cho vay đã thỏa thuận

trong hợp đồng và Quỹ Đầu tư đánh giá là có khả năng trả nợ trong các kỳ hạn tiếp theo, thì Quỹ Đầu tư xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi.

- Gia hạn nợ vay: Chủ đầu tư không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng và được Quỹ Đầu tư đánh giá là có khả năng trả nợ trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ Đầu tư xem xét cho gia hạn nợ. Trong thời gian gia hạn nợ, chủ đầu tư vẫn phải trả lãi vay. Thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 1/2 thời gian cho vay.

c) Xóa nợ lãi, miễn, giảm lãi vay:

Sau khi Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ mà chủ đầu tư vẫn không có khả năng trả nợ theo kế hoạch trả nợ, Quỹ Đầu tư báo cáo đề xuất phương án xử lý trình UBND Thành phố xem xét quyết định xóa nợ lãi, miễn, giảm lãi vay.

d) Khoanh nợ và xóa nợ gốc:

- Khoanh nợ: Chủ đầu tư được xem xét khoanh nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Chủ đầu tư vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân bất khả kháng nêu trên, thời gian khoanh nợ tối đa là 03 năm tính từ ngày chủ đầu tư gặp rủi ro.

+ Trường hợp hết thời gian khoanh nợ, chủ đầu tư vẫn gặp khó khăn, chưa có khả năng trả nợ có thể được xem xét tiếp tục cho khoanh nợ với thời gian tối đa không vượt quá thời gian đã được khoanh nợ lần trước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Xóa nợ gốc:

+ Điều kiện xóa nợ, Quỹ Đầu tư phải xử lý tài sản bảo đảm và áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán của chủ đầu tư.

+ Xóa nợ, chủ đầu tư vay vốn được xóa nợ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

(i) Chủ đầu tư vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân quy định tại điểm a mục này, sau khi đã hết thời gian khoanh nợ (kể cả trường hợp được khoanh nợ bổ sung) mà vẫn không có khả năng trả nợ.

(ii) Chủ đầu tư có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.

(iii) Chủ đầu tư là cá nhân chết, mất tích mà không có bên kế thừa nhận nợ.

13. Thẩm quyền, trách nhiệm và nguồn vốn xử lý rủi ro:

a) Cấp nào quyết định cho vay thì cấp đó quyết định việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ.

b) Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc xóa nợ lãi, miễn, giảm lãi tiền vay; khoanh nợ, xóa nợ gốc trên cơ sở đề xuất của Quỹ Đầu tư.

c) UBND Thành phố cấp bổ sung, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác khi quyết định xóa nợ gốc.

14. Thủ tục, hồ sơ vay vốn, thẩm định, cho vay, quản lý khoản vay, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn và xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định của Quỹ Đầu tư.

II. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư:

1. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư (hỗ trợ lãi suất vay vốn) là hình thức hỗ trợ tài chính không hoàn lại của UBND Thành phố thông qua Quỹ Đầu tư để hỗ trợ một phần lãi suất cho chủ đầu tư đã thực hiện dự án bảo vệ môi trường bằng vốn vay từ các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

Chủ đầu tư dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP vay vốn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng khác.

3. Điều kiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư:

a) Dự án thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất sau đầu tư quy định tại khoản 2, mục II, Phụ lục này và nêu tại Quyết định phê duyệt Dự án lần đầu của cấp có thẩm quyền

b) Được Quỹ Đầu tư thẩm định và UBND Thành phố phê duyệt.

c) Dự án đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng, có quyết định phê duyệt quyết toán đầu tư của cấp có thẩm quyền, được kiểm toán theo quy định của pháp luật và đã hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay cho các tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

d) Chỉ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với số vốn vay chủ đầu tư trả nợ tổ chức tín dụng kể từ ngày có văn bản phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền.

đ) Dự án chưa được vay vốn lãi suất ưu đãi hoặc tài trợ và đồng tài trợ từ Quỹ Đầu tư.

e) Dự án chưa được hưởng chính sách ưu đãi tín dụng của Nhà nước.

g) Dự án chưa thay đổi chủ đầu tư.

h) Dự án chưa vay vốn theo các chương trình mục tiêu sử dụng vốn nước ngoài của các Tổ chức tín dụng khác.

4. Nguyên tắc xác định mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư:

a) Mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính cho từng dự án và cấp cho chủ đầu tư theo từng lần hoặc một lần sau khi đã trả nợ vốn vay đầu tư (nợ gốc) cho tổ chức tín dụng.

b) Mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính trên tổng số nợ gốc thực trả theo hợp đồng tín dụng đã ký với tổ chức tín dụng nhưng tối đa không vượt quá

70% giá trị xây lắp, thiết bị theo quyết toán vốn đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Đối với các khoản vay chủ đầu tư trả nợ trước hạn, mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính theo thời hạn thực vay của khoản vay đó theo hợp đồng tín dụng đã ký.

d) Đối với các dự án được khoan nợ thì thời gian khoan nợ không được tính vào thời hạn thực vay để tính hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

đ) Thời hạn tính hỗ trợ lãi suất sau đầu tư tối đa bằng thời hạn vay ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký lần đầu.

e) Không hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các khoản trả nợ quá hạn, nợ trả trong thời gian gia hạn nợ.

g) Không hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các khoản vốn vay để: trả lãi vay tổ chức tín dụng, trả nợ khoản vay vốn lưu động, nộp thuế VAT, đầu tư các hạng mục hoặc khối lượng công việc không có trong dự án đầu tư được duyệt.

5. Lãi suất hỗ trợ sau đầu tư:

Lãi suất hỗ trợ sau đầu tư tối đa không quá mức chênh lệch lãi suất được tính hỗ trợ sau đầu tư đối với dự án vay vốn bằng đồng Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm quyết định hỗ trợ sau đầu tư.

6. Cách xác định mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án:

a) Mức hỗ trợ sau đầu tư cho cả dự án

Tổng mức hỗ trợ sau đầu tư cho cả dự án bằng tổng mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hàng năm cho dự án; mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hàng năm bằng tổng mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho từng lần trả nợ trong năm của dự án.

b) Mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho từng lần trả nợ trong năm được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hỗ trợ} \\ \text{lãi suất sau} \\ \text{đầu tư từng} \\ \text{lần trả nợ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số nợ gốc thực trả} \\ \text{từng lần trả nợ} \\ \text{được tính hỗ trợ lãi} \\ \text{suất sau đầu tư} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức lãi suất được} \\ \text{tính hỗ trợ lãi suất} \\ \text{sau đầu tư được} \\ \text{phê duyệt} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thời gian thực vay (quy} \\ \text{đổi theo năm) của số nợ} \\ \text{gốc thực trả được tính hỗ} \\ \text{trợ lãi suất sau đầu tư} \end{array}$$

Số nợ gốc thực trả từng lần trả nợ được tính hỗ trợ lãi suất sau đầu tư: xác định theo số nợ gốc thực trả theo hợp đồng tín dụng đủ điều kiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

Thời hạn thực vay để tính hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là khoảng thời gian (được quy đổi theo năm) từ ngày, tháng, năm nhận vốn vay đến ngày, tháng, năm nợ gốc trong hạn được trả cho tổ chức tín dụng theo hợp đồng tín dụng đã ký lần đầu. Thời hạn thực vay quy ước: 1 tháng = 30 ngày; 1 năm = 360 ngày.

Mức lãi suất được tính hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được xác định theo mức lãi suất hỗ trợ vay vốn do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm Quỹ Đầu tư từng lần trả.

c) Việc xác định thời hạn thực vay căn cứ vào thời điểm nhận nợ ghi trên Bảng kê số vốn giải ngân của tổ chức tín dụng và thời điểm trả nợ gốc ghi trên Bảng kê số vốn trả nợ cho tổ chức tín dụng (quy đổi theo năm) đã ký giữa chủ đầu tư và tổ chức tín dụng cho vay vốn. Lấy thời điểm giải ngân số vốn vay lần đầu so với thời điểm trả nợ kỳ đầu tiên của khoản nợ gốc trong hạn để tính số ngày thực vay của số nợ gốc thực trả lần đầu và trên cơ sở đó tính lùi để xác định số ngày thực vay của số nợ gốc trả các lần tiếp theo.

7. Thẩm quyền quyết định

Quỹ Đầu tư thẩm định, trình UBND Thành phố xem xét, quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từng đối tượng.

8. Cấp vốn hỗ trợ lãi suất vay:

Việc cấp tiền hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện một năm một lần trên cơ sở số nợ gốc được hỗ trợ lãi suất.

9. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin hỗ trợ lãi suất, giám sát quá trình hỗ trợ lãi suất thực hiện theo quy định của Quỹ Đầu tư và pháp luật hiện hành.

III. Tài trợ, đồng tài trợ:

1. Đối tượng được tài trợ, đồng tài trợ:

Là các tổ chức, cá nhân có phương án, kế hoạch và dự án hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

a) Xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó khắc phục hậu quả do sự cố môi trường hoặc thiên tai gây ra.

b) Phổ biến, tuyên truyền về quản lý, khai thác tài nguyên môi trường và nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường.

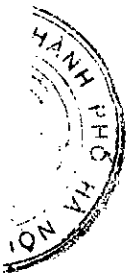
c) Các chương trình, kế hoạch, dự án về bảo vệ môi trường theo Quyết định của UBND Thành phố;

d) Tổ chức, hỗ trợ các giải thưởng về môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường theo Quyết định của UBND Thành phố;

e) Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP.

2. Điều kiện xem xét tài trợ và đồng tài trợ:

a) Phương án, kế hoạch và dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, mục III, Phụ lục này chưa được hưởng hỗ trợ tài chính từ Quỹ Đầu tư và chính sách ưu đãi tín dụng của Nhà nước.



b) Đối với dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP, chủ đầu tư phải có vốn đối ứng ít nhất là 50% tổng kinh phí đầu tư để thực hiện dự án đó.

c) Được Quỹ Đầu tư thẩm định và UBND Thành phố phê duyệt.

3. Mức tài trợ và thẩm quyền quyết định mức tài trợ:

a) Mức vốn tài trợ tối đa bằng 50% tổng chi phí để thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường xin tài trợ và phải phù hợp với khả năng nguồn vốn ủy thác của Quỹ Đầu tư cho phép. Trường hợp đặc biệt do UBND Thành phố quyết định.

b) Quỹ Đầu tư thẩm định, trình UBND Thành phố xem xét, quyết định tài trợ, đồng tài trợ từng đối tượng.

c) Giao Quỹ Đầu tư căn cứ đối tượng được tài trợ, đồng tài trợ thuộc khoản 1, mục III, Phụ lục này xây dựng tiêu chí tài trợ, mức tài trợ cụ thể cho từng đối tượng.

4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ, giám sát quá trình tài trợ, đồng tài trợ thực hiện theo quy định Quỹ Đầu tư và pháp luật hiện hành.

IV. Nhận ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường

1. Đối tượng nộp ký quỹ: Là các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ nhận ký quỹ:

Thực hiện theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của dự án và Giấy phép khai thác khoáng sản của cấp có thẩm quyền.

3. Việc nhận ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường: Quỹ Đầu tư thực hiện theo Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; Thông tư số 08/2017/TT-BTC ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại Quỹ Bảo vệ môi trường; và các quy định, hướng dẫn liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Trình tự, thủ tục nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định của Quỹ Đầu tư.